

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (huyện Nguyên Bình)

Phần A.VII - Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 11/7/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	7,50	Bảy phẩy năm	41	Đặng Thị Lịch	7,50	Bảy phẩy năm
2	Lương Thị Kim Cúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm	42	Hoàng Thị Liên		<b>Bảo lưu</b>
3	Ngô Đức Chính	6,00	Sáu	43	Hà Thị Hồng Linh	7,00	Bảy
4	Nguyễn Văn Chuyên	6,00	Sáu	44	Bàn Thị Lưu	7,25	Bảy phẩy hai năm
5	Triệu Thị Diệp	6,25	Sáu phẩy hai năm	45	Tô Thị Mến	8,00	Tám
6	Nguyễn Thị Thu Dung	6,00	Sáu	46	Hoàng Lê Miên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
7	Hoàng Kim Dung	6,25	Sáu phẩy hai năm	47	Bế Thị Lê Na	8,00	Tám
8	Hoàng Thị Dung	6,25	Sáu phẩy hai năm	48	Chu Thị Nài	7,00	Bảy
9	Hoàng Anh Dũng	8,00	Tám	49	Hoàng Thị Nét	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Hoàng Thị Duyên	6,50	Sáu phẩy năm	50	Diêu Thị Nga	7,50	Bảy phẩy năm
11	Lê Thị Diệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	51	Triệu Thị Nga	8,00	Tám
12	Nông Văn Giang	7,00	Bảy	52	Hoàng Thị Nga	7,00	Bảy
13	Nông Đức Giáp	8,00	Tám	53	Hoàng Minh Nga	7,25	Bảy phẩy hai năm
14	Nông Thị Gióng	6,50	Sáu phẩy năm	54	Chu Thị Ngân	6,25	Sáu phẩy hai năm
15	Tô Hồng Hạnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Triệu Kim Ngân	8,00	Tám
16	Nông Thị Hằng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	56	Nông Thị Ngân	8,00	Tám
17	Nông Thu Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	57	Lương Thị Ngọc	6,50	Sáu phẩy năm
18	Đàm Thị Thúy Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	58	Hoàng Thị Nha	7,00	Bảy
19	Nông Thị Hân	7,25	Bảy phẩy hai năm	59	Lương Thị Phượng	6,75	Sáu phẩy bảy năm
20	Đặng Thu Hiền	7,00	Bảy	60	Lê Thị Phượng	7,25	Bảy phẩy hai năm
21	Đinh Ích Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	61	Ma Thị Quyên	7,00	Bảy
22	Đào Thị Hoa	7,25	Bảy phẩy hai năm	62	Lê Đăng Tiến	6,75	Sáu phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Chu Thị Hoàn	6,50	Sáu phẩy năm	63	Bế Quang Tiến	6,00	Sáu
24	Cung Lê Hoàng	6,50	Sáu phẩy năm	64	Vi Hữu Toàn	7,00	Bảy
25	Nông Thị Hồng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	65	Hà Quốc Toàn	6,75	Sáu phẩy bảy năm
26	Đình Văn Huấn	8,00	Tám	66	Hoàng Thị Thanh Tuyền	6,75	Sáu phẩy bảy năm
27	Triệu Ngọc Huấn	7,00	Bảy	67	Hà Thị Tuyết	7,25	Bảy phẩy hai năm
28	Phương Quốc Huy	8,00	Tám	68	Hà Văn Tuynh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
29	Đình Thị Thu Huyền	8,00	Tám	69	Trương Thị Mai Thanh	7,00	Bảy
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	7,25	Bảy phẩy hai năm	70	Bàn Văn Thắng	7,25	Bảy phẩy hai năm
31	Tạ Thu Huyền	6,75	Sáu phẩy bảy năm	71	Nông Thị Bích Thu	8,00	Tám
32	Đàm Thị Hương	7,00	Bảy	72	Lương Thị Thủy	8,00	Tám
33	Nguyễn Thanh Hường	6,75	Sáu phẩy bảy năm	73	Nguyễn Thị Thúy	8,00	Tám
34	Hoàng Thị Hường	7,00	Bảy	74	Bàn Phúc Thượng	6,75	Sáu phẩy bảy năm
35	Lương Xuân Hường	8,00	Tám	75	Lương Văn Trinh	7,25	Bảy phẩy hai năm
36	Nông Văn Khởi	7,25	Bảy phẩy hai năm	76	Lý Ngọc Trinh	6,25	Sáu phẩy hai năm
37	Hoàng Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	77	Nông Thị Uyên	7,50	Bảy phẩy năm
38	Lương Thị Lan	7,25	Bảy phẩy hai năm	78	Phạm Thị Hồng Việt	7,25	Bảy phẩy hai năm
39	Hà Hồng Lan	7,00	Bảy	79	Chu Thị Yên	6,50	Sáu phẩy năm
40	Dương Văn Lành	7,25	Bảy phẩy hai năm				

Điểm 6,00: 04 điểm; Điểm 6,25: 05 điểm; Điểm 6,50: 06 điểm; Điểm 6,75: 10 điểm; Điểm 7,00: 13 điểm; Điểm 7,25: 15 điểm; Điểm 7,50: 08 điểm; Điểm 7,75: 03 điểm; Điểm 8,00: 14 điểm./.

**GHI ĐIỂM PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH**  
**TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**

*DHL*

*Vluchp*



**Đoàn Thị Kim Liên**

**Đoàn Thị Vân Thúy**

**Trịnh Thị Ánh Hoa**